TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/DS- PT
Ngày: 16- 7- 2019
"V/v Tranh chấp chia tài sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quốc Văn;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Thắng;
Bà Lê Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Bảo Yến- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hậu- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, xét xử phúc thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 35/TLPT- DS ngày 29/02/2019 về "Tranh chấp chia tài sản thừa kế*";*

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS- ST ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố thanh Hóa bị anh Lê Văn Đ kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 44/2019/QĐ- PT ngày 20/6/2019; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị L sinh năm 1970, có mặt;

Địa chỉ: Số 11 đường Q, phường N, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn kháng cáo: Anh Lê Anh Đ sinh năm 1963, có mặt;

Địa chỉ: Số 04 Chùa Đ, đường Đ, phường N, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan: Chị Nguyễn Thị L1 sinh năm 1968, có mặt;

Địa chỉ: Số 04 Chùa Đ, đường Đ, phường N, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày như sau:

Bố chị là ông Lê Ngọc L, mẹ chị là bà Ngô Thị T sinh được hai người con là anh Lê Anh Đ, sinh năm 1963 và chị là Lê Thị L, sinh năm 1970.

Ông Lê Ngọc L và bà Ngô Thị T có khối tài sản chung gồm:

- Đất ở tại thửa số 150, tờ bản đồ số 2, diện tích 184m^2; Địa chỉ: Số 04 Chùa Đ, đường Đ, phường N, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; GCNQSD đất mang tên bà Ngô Thị T được UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 14/11/2011.

- Nhà cấp 4 trên đất, anh Đ đã phá một nửa.

- Diện tích đất nông nghiệp 642m^2 tại các thửa 122 tờ bản đồ số 05; thửa 71, 78, 27 tờ bản đồ số 10 (Tức thửa 93E tờ bản đồ số 01) tại phường N, thành phố Thanh Hóa; GCNQSD đất mang tên bà Ngô Thị T được UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 26/8/1994. Ngày 25/7/2013 UBND thành phố Thanh Hóa đã có Quyết định số 4309/QĐ-UBND thu hồi 642m^2 đất nông nghiệp trên để thực hiện dự án khu đô thị phía Đông Đại lộ Bắc Nam thành phố Thanh Hóa và chi trả bồi thường theo Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 529/QĐ-HĐBT ngày 21/9/2017 của Trung tâm phát triển quỹ đất Thanh Hóa số tiền 313.498.300 đồng, số tiền này anh Đ đã nhận và đang giữ.

Ông Lê Ngọc L chết ngày 01/9/1999, không để lại di chúc. Bà Ngô Thị T chết ngày 01/12/2012, không để lại di chúc. Bố mẹ đẻ của ông L và bố mẹ đẻ của bà T đều đã chết.

Chị Lê Thị L đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của bố mẹ theo pháp luật cho các đồng thừa kế gồm hai người là anh Đ và chị L. Đối với diện tích đất ở tại số 04 Chùa Đ, đường Đ, phường N, thành phố Thanh Hóa, hiện nay anh Đ đang quản lý và sử dụng, chị L đề nghị được chia thừa kế bằng đất.

Đối với tài sản trên đất, anh Đ đã phá một nửa nhà của bố mẹ để xây dựng nhà, nên phần nhà cấp 4 trên đất đang còn là của chị, anh Đ không được chia tài sản này.

Đối với số tiền được đền bù từ đất nông nghiệp, chị L đề nghị được hưởng một nửa.

Bếp và công trình phụ vợ chồng anh Đ xây dựng, chị L tự nguyện trả cho vợ chồng anh Đ 35.000.000 đồng, không theo mức định giá.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Anh Đ trình bày:

Anh Đ thống nhất với chị Lê Thị L về thời điểm bố, mẹ chết, người hưởng thừa kế và tài sản của bố mẹ để lại. Nhưng anh Đ có ý kiến như sau:

- Đối với diện tích đất ở của bố, mẹ trước đây chỉ có 165,6m^2, đến năm 2011 do vợ chồng anh khai hoang nên diện tích tăng lên thành 184,7m^2. Anh Đ đề nghị không chia diện tích tăng thêm 19,1m^2, vì đây là đất của vợ chồng anh.

- Anh Đ đề nghị Tòa án chia cho anh được hưởng ở phần đất mà anh đã xây nhà, phần đất còn lại chia cho chị L.

- Phần nhà cũ của bố mẹ còn lại chị L được hưởng.

- Chị L phải trả cho vợ chồng anh tiền công trình phụ và bếp với giá 70.000.000 đồng, anh không đồng ý với mức tiền của Hội đồng định giá, cũng như mức tiền chị L tự nguyện trả.

- Đối với số tiền được đền bù từ diện tích đất nông nghiệp 642m^2 của bà Ngô Thị T là 313.498.300 đồng, trong đó có 2.844.000 đồng bồi thường về cây cối, hoa màu và 18.720.000 đồng tiền hỗ trợ ổn định đời sống, còn 291.934.300 đồng anh Đ không đồng ý chia cho chị L. Vì anh phải chăm sóc, nuôi mẹ, làm đám tang, chôn cất, thờ cúng tổng số tiền phải chi là 320.000.000 đồng phải đi vay nợ lãi, nên khi lấy tiền đền bù về anh đã đi trả nợ hết.

- Tiền tuất của bố anh từ thời điểm bố anh chết là 50.000đ/1 tháng, sau đó tăng dần lên. Đến thời điểm mẹ anh chết năm 2012 là 420.000đ/1 tháng. Tổng tiền tuất của bố anh là 32.000.000 đồng, số tiền này được trừ vào tiền nuôi mẹ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị L1 trình bày: Chị thống nhất như trình bày của anh Lê Anh Đ về phần công trình bếp và công trình phụ vợ chồng chị đã xây dựng trên đất của bố mẹ, không bổ sung gì thêm. Chị L1 yêu cầu chị L phải trả cho vợ chồng chị số tiền công trình đã xây dựng là 70.000.000 đồng.

Kết quả định giá tài sản như sau:

Tại Biên bản định giá tài sản ngày 24/10/2018 xác định:

1. Về đất ở diện tích: 184,7m^2;

Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

Hội đồng định giá căn cứ Quyết định số 4545/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa về quy định bảng giá đất thời kỳ 2015- 2019 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa để định giá:

Vị trí đất là ngách của ngõ 04 = 0,8.

Giá đất ở: 184,7m^2 x 3.000.000đồng/1m^2 x 0,8 = 443.280.000đ.

Giá thị trường thời điểm tháng 10 năm 2018 là: 184,7m^2 x 3.000.000đồng/1m^2 = 554.100.000đ.

2. Về công trình xây dựng trên đất (Của anh Đ): Áp giá theo Quyết định 4925/2016/QĐ-UNND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa:

- Nhà ở xây 2 tầng (Của anh Đ) diện tích xây dựng: 142,88m^2 x 4.950.000đ = 707.256.000 đồng.

- Mái tôn chống nóng, không có tường17,86m^2 x 300.000đ/1m^2 = 5.358.000đ.

- Sân lát gạch đỏ: 17,86m^2 x 600.000đ/1m^2 = 1.071.600 đồng.

- Nhà bếp, mái ngói dài 6,75m, rộng 3,45m = 23,29m^2 .

23,29m^2 x 1.075.000đ x 60% = 15.022.000 đồng.

- Bán bình lợp pro xi măng dài 3,6m, rộng 5,3m = 19,1m^2.

19,1m^2 x 250.000đ x 60% = 2.865.000 đồng.

3. Nhà lợp mái ngói xây dựng năm 1975 (Của bố, mẹ) dài 5,7m, rộng 4,45m = 25,37m^2 x 2.290.000đ x 60% = 34.858.000 đồng.

Kết quả xác minh nguồn gốc đất như sau:

Tại công văn số 29/CV-VPĐK ngày 21/02/2019 của Phòng Đăng ký quyền sử dụng đất trả lời: Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 02; địa chỉ: Số 04 Chùa Đ, đường Đ, phường N, thành phố Thanh Hóa; được UBND thành phố Thanh Hóa cấp GCNQSD đất số BH 733920 ngày 14/11/2011 mang tên bà Ngô Thị T với diện tích 184,7m^2, Ủy ban ND phường N xác nhận là đất thổ cư, ở trước ngày 18/12/1980. Việc anh Đ nói có công sức khai hoang, bồi đắp để tăng diện tích thửa đất (Tăng 19,1m^2) không thể hiện trong hồ sơ.

Tại Công văn số 17/UBND- ĐCXD ngày 28/02/2019 của UBND phường N trả lời: Qua các hồ sơ địa chính lưu trữ và nguồn gốc sử dụng đất của hộ bà Ngô Thị T cho thấy lý do chênh Lệch diện tích 19,1m^2 tại GCNQSD đất cấp ngày 04/7/2006 và GCNQSD đất cấp ngày 14/11/2011 là sai số do đo đạc, không phải là do anh Đ khai hoang hoặc bồi đắp phần diện tích tăng thêm.

Tại các biên bản hòa giải, anh Đ và chị L đã thống nhất về số tiền được bồi thường do thu hồi đất có 2.844.000 đồng bồi thường về cây cối, hoa màu,

18.720.000 đồng tiền hỗ trợ ổn định đời sống cho gia đình anh Đ, số tiền đền bù về đất nông nghiệp còn lại 291.934.300 đồng.

Tại bản án số 05/2019/DS- ST ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã xử: Căn cứ Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a,c khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 609,610,611,612,618,623, 649,650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015, điểm a, b khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí L1 phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L về việc chia di sản thừa kế của ông Lê Ngọc L và bà Ngô Thị T theo pháp luật.

Xác định di sản thừa kế của ông Lê Ngọc L và bà Ngô Thị T để lại là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa số 150, tờ bản đồ số 2, diện tích 184m^2; Địa chỉ: Số 04 Chùa Đ, đường Đ, phường N, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. GCNQSD đất mang tên bà Ngô Thị T được UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 14/11/2011 và số tiền 291.934.300 đồng được đền bù từ diện tích đất nông nghiệp mang tên bà Ngô Thị T.

Trích công sức cho anh Đ về việc chăm sóc bà T, tiền ma chay, sang mộ, thờ cúng, bảo quản di sản tổng cộng là 150.000.000 đồng (Số tiền này anh Đ đang giữ).

Chia cho chị L được hưởng diện tích đất 95,4m^2 x 3.000.000đ/1m^2 x 0,8 = 228.960.000 đồng;

Ngoài ra chị L còn được hưởng Nhà mái ngói, tường gạch xây dựng trên diện tích đất trên dài 5,7m, rộng 4,45m = 25,37m^2 có giá trị 34.858.000 đồng.

Chị L được quyền sở hữu công trình trên đất do anh Đ, chị L1 xây dựng gồm:

- Gian bếp dài 6,75m, rộng 3,45m = 23,29m^2 cộng mái tôn bên hông nhà giáp đất anh Đ đã xây.
- Bán bình dài 3,6m, rộng 5,3m = 19,1m^2.

Chị L có nghĩa vụ trả cho anh Đ, chị L1 tiền xây dựng công trình trên đất là 35.000.000 đồng và 7.320.000 đồng tiền chênh Lệch đất cho anh Đ (Được trừ vào số tiền anh Đ phải trả cho chị L).

Chị L được hưởng số tiền được đền bù từ diện tích đất bị thu hồi của bà Ngô Thị T là 70.967.150 đồng.

Anh Đ có nghĩa vụ đưa cho chị L số tiền này nhưng được trừ vào số tiền công trình xây dựng trên đất 35.000.000đ và 7.320.000đ tiền chênh lệch đất. Anh Đ phải trả cho chị L số tiền còn lại là 28.647.150 đồng.

Chia cho anh Đ được hưởng diện tích đất 89,3m^2 x 3.000.000đ/1m2 x 0,8 = 214.320.000 đồng;

Anh Đ được hưởng số tiền được đền bù từ diện tích đất bị thu hồi của bà Ngô Thị T là 70.967.150 đồng (Số tiền này anh Đ đang giữ).

Anh Đ, chị L1 được nhận từ chị L số tiền công trình xây dựng trên đất là 35.000.000 đồng và 7.320.000đ tiền chênh lệch đất anh Đ được hưởng nhưng được trừ vào số tiền anh Đ đang giữ.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục theo quy định của pháp luật để được cấp GCNQSD đất đối với phần tài sản được chia.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án dân sự, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 22- 4 - 2019, anh Lê Anh Đ có đơn kháng cáo với nội dung:

- Không đồng ý chia toàn bộ 184 m^2, vì đất bố mẹ để lại chỉ có 165 m^2.

- Yêu cầu chị L thanh toán số tiền nuôi dưỡng mẹ, thờ cúng 383.000.000 đồng.

- Không đồng ý mức tiền đền bù công trình bếp và bán bình 17.000.000 đồng, yêu cầu mức đền bù là 70.000.000 đồng.

- Không đồng ý chia tiền đền bù đất nông nghiệp cho chị L, vì đất nông nghiệp cấp cho hộ gia đình trong đó có anh, sau khi bà Ngô Thị T chết, anh Đ là chủ hộ nộp thuế nên được hưởng toàn bộ số tiền này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Lê Anh Đ không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo. Chị Lê Thị L không rút đơn khởi kiện; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân có quan điểm:

- Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đ, giữ nguyên quyết định bản án số 05/2019/DS- ST ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố thanh Hóa về chia tài sản đất ở, tiền đền bù đất nông nghiệp, trích đền bù công sức, đền bù công trình trên đất được chia; Buộc anh Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của anh Lê Anh Đ gửi trong thời hạn qui định, hợp L1 được chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xem xét kết quả giải quyết của Tòa án sơ thẩm: Chị Lê Thị L yêu cầu anh Lê Anh Đ chia thừa kế tài sản của bố, mẹ để lại là đất ở diện tích 184m^2, tiền đền bù đất nông nghiệp 642m^2 = 291.934.300 đồng, nhà xây cấp 4, thuộc trường hợp không có di chúc. Tòa án sơ thẩm đã áp dụng đúng qui định của pháp luật về thời hiệu, quan hệ tranh chấp, xác định đúng di sản thừa kế, người hưởng thừa kế. Trên cơ sở đó, đã quyết định chia tài sản thừa kế, trích đền bù công sức, đền bù công trình trên đất là có căn cứ, phù hợp với điều kiện thực tế.

[3]. Xét yêu cầu kháng cáo của anh Lê Anh Đ:

- Về yêu cầu tính công sức khai hoang 19,1m^2 đất ở: Theo Công văn trả lời của Phòng Đăng ký quyền sử dụng đất, của Ủy ban ND phường N, thửa đất số 150, tờ bản đồ số 02; địa chỉ số 04 Chùa Đ, đường Đ, phường N, thành phố Thanh Hóa được Ủy ban ND thành phố Thanh Hóa cấp GCNQSD đất số BH 733920 ngày 14/11/2011 mang tên bà Ngô Thị T với diện tích 184,7m^2, Ủy ban ND phường N xác

nhận là đất thổ cư, ở trước ngày 18/12/1980. Trong hồ sơ không thể hiện việc anh Đ có công sức khai hoang, bồi đắp để tăng diện tích thửa đất, lý do chênh Lệch diện tích 19,1m^2 là sai số do đo đạc, không phải là do anh Đ khai hoang hoặc bồi đắp phần diện tích tăng thêm. Vì vậy, không có cơ sở khẳng định anh Đ có công sức khai hoang 19,1m^2 trong diện tích đất ở của bố mẹ.

- Về cầu chị L thanh toán số tiền nuôi dưỡng mẹ, thờ cúng: Việc chăm sóc cha mẹ, lo tang lễ, xây mộ, thờ cúng là nghĩa vụ và trách nhiệm của con cái, mặc dù vậy cũng không thể tính toán chi li. Anh Đ kê khai số tiền chăm sóc Mẹ, chi phí thờ cúng phải vay lãi nhưng không có căn cứ chính xác về mức chi tiêu, vay của ai, chỉ là ước lượng 383.000.000 đồng. Chị L không chấp nhận và khẳng định bà Ngô Thị T không ốm nặng như anh Đ trình bày, mặt khác bà T còn được hưởng tiền trợ cấp hàng tháng. Tuy vậy, Tòa án sơ thẩm cũng đã xem xét trích công sức cho anh Đ chăm sóc bà T, tiền tang lễ, sang mộ, thờ cúng, bảo quản di sản nói chung 150.000.000 đồng là thỏa đáng. Vì vậy, không có cơ sở xác định anh Đ đã chi phí các khoản này với mức 383.000.000 đồng, để buộc chị L chịu trách nhiệm chung.

- Về yêu cầu mức tiền đền bù công trình: Theo kết quả định giá tài sản, nhà bếp và bán bình lợp proxi măng của anh Đ xây dựng có tổng trị giá là 17.887.000 đồng. Anh Đ không có yêu cầu định giá lại, nhưng chị L đã tự nguyện trả cho vợ chồng anh Đ 35.000.000 đồng là cao gấp đôi mức định giá. Vì vậy, không có cơ sở xem xét tăng mức đền bù bếp và công trình phụ của vợ chồng anh Đ lên 70.000.000 đồng.

- Về yêu cầu không chia tiền đền bù đất nông nghiệp: Khi bà T được giao đất nông nghiệp, anh Đ là đối tượng nghỉ chế độ 176. Căn cứ Giấy CNQSD đất và trả lời của Ủy ban ND Phường, thì bà T là người được giao đất nông nghiệp, không phải giao cho hộ gia đình. Từ khi giao đất cho đến khi có phương án thu hồi đất của Nhà nước, bà T là người trực tiếp sử dụng để sản xuất, là người nộp thuế đất. Do đó số tiền được đền bù từ diện tích đất bị thu hồi, trừ số tiền bồi thường về cây cối, hoa màu và hỗ trợ ổn định đời sống cho gia đình anh Đ, còn lại 291.934.300 đồng là tài sản thừa kế của bà T để lại, phải được chia thừa kế theo qui định. Vì vậy, anh Đ cho rằng anh là chủ hộ sử dụng đất nông nghiệp, không phải chia tiền đền bù đất bị thu hồi là không có cơ sở.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc xét thấy không có cơ sở chấp nhận các yêu cầu kháng cáo của anh Đ, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm về các nội dung bị kháng cáo.

[3]. Anh Đ kháng cáo không được chấp nhận, phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định.

[4]. Các nội dung quyết định của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 293, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đ, giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm

số 05/2019/DS- ST ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố thanh Hóa về chia tài sản thừa kế, trích đền bù công sức, đền bù công trình trên đất được chia;

Áp dụng Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 612, điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 618, khoản 1 Điều 623, 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, khoản 1 khoản 2 và khoản 3 Điều 658, khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L về việc chia di sản thừa kế của ông Lê Ngọc L và bà Ngô Thị T theo pháp luật.

Xác định di sản thừa kế của ông Lê Ngọc L và bà Ngô Thị T để lại gồm có: Quyền sử dụng đất ở diện tích 184m^2 = 443.280.000 đồng tại thửa số 150, tờ bản đồ số 2, diện tích 184m^2; Địa chỉ: Số 04 Chùa Đ, đường Đ, phường N, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Giấy CNQSD đất mang tên bà Ngô Thị T được Ủy ban ND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 14/11/2011; nhà cấp 4= 34.858.000 đồng; tiền được đền bù diện tích đất nông nghiệp của bà Ngô Thị T 291.934.300 đồng, do anh Đ đang quản lý.

Trích công sức cho anh Đ về chăm sóc bà T, tiền tang lễ, sang mộ, thờ cúng, bảo quản di sản tổng cộng là 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

Buộc anh Lê Anh Đ phải chia tài sản thừa kế như sau:

- Đối với đất ở diện tích 184m^2 tại thửa số 150, tờ bản đồ số 2, diện tích 184m^2; Địa chỉ: Số 04 Chùa Đ, đường Đ, phường N, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Giấy CNQSD đất mang tên bà Ngô Thị T được Ủy ban ND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 14/11/2011:

+ Chia cho anh Đ được quyền sử dụng diện tích đất ở 89,3m^2 x 3.000.000đ/1m2 x 0,8 = 214.320.000 đồng;

Phía Đông Nam giáp ngõ xóm rộng 4,7m;

Phía Đông Bắc giáp phần đất của chị L được hưởng dài 19m;

Phía Tây Nam giáp đất nhà ông Huy dài 19m;

Phía Tây Bắc giáp đất do UBND phường quản lý rộng 4,7m.

Anh Đ được sở hữu các công trình của anh xây dựng trên đất được chia.

+ Chia cho chị L được quyền sử dụng diện tích đất ở 95,4m^2 x 3.000.000đ/1m^2 x 0,8 = 228.960.000 (Hai trăm hai tám triệu chín trăm sáu mươi nghìn) đồng;

Phía Đông Nam giáp ngõ xóm rộng 4,75m;

Phía Đông Bắc giáp lối đi phía nhà ông Học dài 19m;

Phía Tây Nam giáp phần đất anh Đ được hưởng dài 19m;

Phía Tây Bắc giáp đất do UBND phường quản lý rộng 5,3m.

- Đối với nhà của bố mẹ: Chia cho chị L được sở hữu phần nhà cấp 4 còn lại mái ngói, tường gạch trên phần đất được chia dài 5,7m, rộng 4,45m = 25,37m^2 có giá trị 34.858.000 (Ba tư triệu tám trăm năm tám nghìn) đồng, không phải tính chênh Lệch.

- Đối với số tiền tiền được đền bù từ diện tích đất nông nghiệp mang tên bà Ngô Thị T 291.934.300 đồng:

+ Chia cho anh Đ được hưởng 70.967.150 (Bảy mươi triệu chín trăm sáu bảy nghìn một trăm năm mươi) đồng (Số tiền này anh Đ đang giữ).

+ Chia cho chị L được hưởng 70.967.150 (Bảy mươi triệu chín trăm sáu bảy nghìn một trăm năm mươi) đồng.

- Đối với công trình của anh Đ, chị L1: Giao cho chị L được sở hữu công trình do anh Đ, chị L1 xây dựng trên phần đất được chia gồm gian bếp dài 6,75m, rộng 3,45m = 23,29m^2 cộng mái tôn, bán bình dài 3,6m, rộng 5,3m = 19,1m^2.

Chị L phải trả tiền chênh Lệch về diện tích đất được hưởng nhiều hơn cho anh Đ 7.320.000 (Bảy triệu ba trăm hai mươi nghìn) đồng, trả tiền công trình (Với mức tự nguyện) trên đất cho anh Đ và chị L1 là 35.000.000 (Ba lăm triệu) đồng.

Bù trừ các khoản phải giao cho nhau, anh Đ còn phải giao cho chị L 28.647.150 (Hai tám triệu sáu trăm bốn bảy nghìn một trăm năm mươi) đồng tiền chia thừa kế.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu người được thi hành án có đơn yêu cầu, mà người phải thi hành án không thi hành đầy đủ thì phải chịu tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục theo quy định của pháp luật để được cấp Giấy CNQSD đất đối với phần tài sản được chia.

Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng; được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số: AA/2017/0006432 ngày 10/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Các nội dung quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND thành phố Thanh Hoá;
- VKSND thành phố Thanh Hoá;
- Chi cục THADS thành phố Thanh Hoá;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trương Quốc Văn